

HƯỚNG DẪN CHI TIẾT
FORMAT ĐỀ THI NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ - TIẾNG PHÁP, NGA, TRUNG, NHẬT - BẬC 4/6

(Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam)

Kỹ năng	Thời gian làm bài	Phần và thang điểm	Số câu hỏi	Loại hình ngữ liệu	Loại hình câu hỏi	Mục đích đánh giá
NGHE HIỂU	Nghe hiểu (3 phần) 30 phút (bao gồm 5 phút ghi câu trả lời vào giấy làm bài) 25 câu hỏi	Phần 1 (3.2 điểm: 0.4 điểm/câu)	1 - 8	6-8 đoạn ghi âm ngắn	- 8 câu hỏi trắc nghiệm - Với mỗi đoạn ghi âm, sẽ có 1-2 câu hỏi và mỗi câu hỏi có 3 phương án trả lời (A, B hoặc C). Thí sinh được yêu cầu chọn phương án đúng để trả lời câu hỏi.	Nghe lấy thông tin chi tiết, thông tin cụ thể, và thông tin chính.
		Phần 2 (4 điểm: 0.4 điểm/câu)	9 - 18	Một đoạn độc thoại dài và 1 trang ghi chú tóm tắt nội dung đoạn ghi âm với 10 chỗ trống cần điền thông tin	- Điền thông tin vào chỗ trống (Thí sinh tự tìm ra từ để điền vào ô trống chứ không có từ gợi ý cho sẵn).	Nghe lấy thông tin chi tiết và thông tin cụ thể
		Phần 3 (2.8 điểm: 0.4 điểm/câu)	19 - 25	1 bài hội thoại dài / 2 bài hội thoại ngắn/ 1 bài nói	- 7 câu hỏi trắc nghiệm - Với mỗi câu hỏi, có 3 hoặc 4 phương án trả lời. Thí sinh được yêu cầu chọn phương án đúng để trả lời câu hỏi	Nghe lấy thông tin chính và chi tiết.
	Tổng: 10 điểm					
		Phần 1	1-10	1 bài đọc (khoảng 150	Với mỗi ô trống, có 4 phương án trả lời (A, B, C hoặc D). Thí	Kiểm tra về sử dụng

ĐỌC HIỂU	Đọc hiểu (4 phần) 60 phút 30 câu hỏi	(3 điểm: 0.3 điểm/câu)		từ) có 10 chỗ trống.	sinh được yêu cầu chọn phương án đúng để trả lời câu hỏi	ngôn ngữ	
		Phần 2 (2.4 điểm: 0.3 điểm/câu)	11 - 18	1 bài đọc (khoảng 200-300 từ).	- 8 câu hỏi trắc nghiệm với 4 phương án A, B, C hoặc D. - Thí sinh được yêu cầu chọn ra phương án nào diễn đạt phù hợp nhất thông tin trong đoạn text đã cho.	Đọc lấy thông tin chi tiết.	
		Phần 3 (2.1 điểm: 0.3 điểm/câu)	19 - 25	1 bài khoá dài (khoảng 300 từ) với 5 chỗ trống do có 5 câu đã được lấy ra khỏi bài khoá.	- 5 câu được trích ra từ bài đọc. - Thí sinh được yêu cầu chọn câu phù hợp để điền vào chỗ trống sao cho ý nghĩa của bài text được liền mạch.	Đọc hiểu ý chính.	
		Phần 4 (2.5 điểm: 0.5 điểm/câu)	26 - 30	5 bài khoá mô tả về 5 người. (khoảng 50 từ/1 bài)	- 5 câu hỏi. - Thí sinh được yêu cầu xác định người đang được đề cập (A, B, C, D, F) cho mỗi câu hỏi // Thí sinh được yêu cầu trả lời 5 câu hỏi trắc nghiệm. Mỗi câu hỏi có 3 lựa chọn (A, B hoặc C). Hoặc trả lời 5 câu hỏi mở	Đọc hiểu ý chính và đọc lấy thông tin chi tiết.	
		Tổng: 10 điểm					
		VIẾT	Viết (3 phần) 60 phút	Phần 1 (3 điểm: 0.6 điểm/câu)	1-5		Thí sinh được yêu cầu viết lại câu có sử dụng từ gợi ý sao cho nghĩa của câu không thay đổi.
		Phần 2			Viết email (30-45 từ) để hồi đáp	Viết email, bưu thiếp	

		(3 điểm)			hoặc hỏi thông tin // Hoặc viết bưu thiếp chúc mừng, hỏi thăm. (Tiếng Nhật: 300 từ)	
		Phần 3 (4 điểm)			Chọn 1 trong 3 thể loại được đưa ra để viết bài văn (miêu tả, tường thuật, nghị luận) có độ dài 100-120 từ (Tiếng Nhật: 500 từ)	Viết bài luận
		Tổng: 10 điểm				
NÓI	Khoảng 10 phút cho mỗi thí sinh 3 phần	Phần 1 (2 phút) (2 điểm)			Thí sinh được hỏi 4 câu hỏi về bản thân mình. Các câu hỏi được chọn ra từ một danh sách 10 câu hỏi được soạn sẵn cho phần 1.	- Giới thiệu bản thân
		Phần 2 (3 phút) (3 điểm)			- Mỗi thí sinh được cung cấp 1 bức tranh (hoặc ảnh) cùng với 3 câu hỏi gợi ý về bức tranh (hoặc ảnh).	- Miêu tả tranh (hoặc ảnh) dựa vào gợi ý.
		Phần 3 (5 phút) (5 điểm)			- Mỗi thí sinh được cung cấp một chủ đề về đời sống hằng ngày có kèm theo 3 gợi ý và được yêu cầu trình bày về chủ đề. - Sau khi trình bày chủ đề, thí sinh sẽ được hỏi thêm 2 câu liên quan đến chủ đề đã trình bày (2 câu hỏi này được soạn sẵn trong đề).	- Trình bày chủ đề & Phát triển chủ đề.
		Tổng: 10 điểm				
Tổng cộng	160 phút/4 kỹ năng					

Thang điểm: 10 điểm cho mỗi kỹ năng.

Điểm đạt: Tổng điểm của 4 kỹ năng bằng 20/40, với điều kiện không có kỹ năng nào dưới 3 điểm.

HƯỚNG DẪN CHI TIẾT
FORMAT ĐỀ THI NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ TIẾNG HÀN - BẬC 4/6

(Được thiết kế dựa trên định dạng đề thi năng lực tiếng Hàn Topik; căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam)

Kỹ năng	Thời gian làm bài	Phần và thang điểm	Số câu hỏi	Loại hình ngữ liệu	Loại hình câu hỏi	Mục đích đánh giá
NGHE HIỂU	Nghe hiểu (7 phần) 30 phút (bao gồm 5 phút ghi câu trả lời vào giấy làm bài) 25 câu hỏi	Phần 1 (0.8 điểm: 0.4 điểm/câu)	1 - 2	2 đoạn ghi âm ngắn	- 2 câu hỏi trắc nghiệm - Với mỗi đoạn ghi âm, sẽ có 1 câu hỏi và mỗi câu hỏi có 4 phương án trả lời (① ② ③ ④). Thí sinh được yêu cầu chọn phương án đúng để trả lời câu hỏi.	Chọn tranh đúng với nội dung nghe.
		Phần 2 (1.6 điểm: 0.4 điểm/câu)	3-6	4 đoạn ghi âm ngắn	- 4 câu hỏi trắc nghiệm - Với mỗi đoạn ghi âm, sẽ có 1 câu hỏi và mỗi câu hỏi có 4 phương án trả lời (① ② ③ ④). Thí sinh được yêu cầu chọn phương án đúng để trả lời câu hỏi.	Chọn câu trả lời thích hợp
		Phần 3 (1.6 điểm: 0.4 điểm/câu)	7 – 10	4 đoạn ghi âm ngắn	- 4 câu hỏi trắc nghiệm - Với mỗi đoạn ghi âm, sẽ có 1 câu hỏi và mỗi câu hỏi có 4 phương án trả lời (① ② ③ ④). Thí sinh được yêu cầu	Nghe và chọn nội dung chính

					chọn phương án đúng để trả lời câu hỏi.	
		Phần 4 (1.2 điểm: 0.4 điểm/câu)	11-13	3 đoạn ghi âm ngắn	- 3 câu hỏi trắc nghiệm - Với mỗi đoạn ghi âm, sẽ có 1 câu hỏi và mỗi câu hỏi có 4 phương án trả lời (① ② ③ ④). Thí sinh được yêu cầu chọn phương án đúng để trả lời câu hỏi.	Chọn câu đúng với nội dung được nghe
		Phần 5 (1.6 điểm: 0.4 điểm/câu)	14-17	4 đoạn ghi âm ngắn	- 4 câu hỏi trắc nghiệm - Với mỗi đoạn ghi âm, sẽ có 1 câu hỏi và mỗi câu hỏi có 4 phương án trả lời (① ② ③ ④). Thí sinh được yêu cầu chọn phương án đúng để trả lời câu hỏi.	Chọn suy nghĩ của nhân vật nam hoặc nữ trong đoạn hội thoại
		Phần 6 (1.2 điểm: 0.4 điểm/câu)	18-20	3 đoạn ghi âm ngắn	- 3 câu hỏi trắc nghiệm - Với mỗi đoạn ghi âm, sẽ có 1 câu hỏi và mỗi câu hỏi có 4 phương án trả lời (① ② ③ ④). Thí sinh được yêu cầu chọn phương án đúng để trả lời câu hỏi.	Chọn hành động tiếp theo của nhân vật nam hoặc nữ trong đoạn hội thoại
		Phần 7 (2 điểm: 0.4 điểm/câu)	21-25	3 đoạn ghi âm ngắn	- 5 câu hỏi trắc nghiệm - Với mỗi đoạn ghi âm, sẽ có 1-2 câu hỏi và mỗi câu hỏi có 4 phương án trả lời (① ② ③ ④). Thí sinh được yêu cầu	Nghe và trả lời câu hỏi

					chọn phương án đúng để trả lời câu hỏi.	
		Tổng: 10 điểm				
ĐỌC HIỂU	Đọc hiểu (4 phần)	Phần 1 (1.2 điểm: 0.3 điểm/câu)	1-4	4 bài đọc ngắn	- 4 câu hỏi trắc nghiệm - Với mỗi bài đọc sẽ có 1 câu hỏi và mỗi câu hỏi có 4 phương án trả lời (① ②③ ④). Thí sinh được yêu cầu chọn phương án đúng để trả lời câu hỏi.	Tìm chủ đề của bài đọc
		Phần 2 (1.2 điểm: 0.3 điểm/câu)	5 - 8	4 bài đọc ngắn	- 4 câu hỏi trắc nghiệm - Với mỗi bài đọc sẽ có 1 câu hỏi và mỗi câu hỏi có 4 phương án trả lời (① ②③ ④). Thí sinh được yêu cầu chọn phương án đúng để trả lời câu hỏi.	Chọn câu trả lời đúng với nội dung đoạn văn
		Phần 3 (1.6 điểm: 0.4 điểm/câu)	9 - 12	4 bài đọc vừa	- 4 câu hỏi trắc nghiệm - Với mỗi bài đọc sẽ có 1 câu hỏi và mỗi câu hỏi có 4 phương án trả lời (① ②③ ④). Thí sinh được yêu cầu chọn phương án đúng để trả lời câu hỏi.	Đọc và chọn nội dung chính
		Phần 4 (1.2 điểm: 0.4 điểm/câu)	13 - 15	3 bài khóa: các câu trong bài được sắp xếp lộn xộn	- 3 câu hỏi trắc nghiệm - Với mỗi bài đọc sẽ có 1 câu hỏi và mỗi câu hỏi có 4 phương án trả lời (① ②③ ④). Thí sinh được yêu cầu chọn phương án đúng để trả lời câu hỏi.	Sắp xếp trật tự câu thành đoạn
		Phần 5	16-18	3 bài khóa ngắn được	- 3 câu hỏi trắc nghiệm	Chọn đáp án đúng điền

		(1.2 điểm: 0.4 điểm/câu)		đọc lướt sẵn	- Với mỗi bài đọc sẽ có 1 câu hỏi và mỗi câu hỏi có 4 phương án trả lời (① ②③ ④). Thí sinh được yêu cầu chọn phương án đúng để trả lời câu hỏi.	vào đoạn văn đọc lướt
		Phần 6 (3.6 điểm: 0.3 điểm/câu)	19-30	6 bài đọc vừa	12 câu hỏi trắc nghiệm - Với mỗi bài đọc sẽ có 2 câu hỏi và mỗi câu hỏi có 4 phương án trả lời (① ②③ ④). Thí sinh được yêu cầu chọn phương án đúng để trả lời câu hỏi.	Đọc hiểu và trả lời câu hỏi liên quan đến nội dung đoạn văn
		Tổng: 10 điểm				
VIẾT	Viết (3 phần) 60 phút	Phần 1 3 điểm (0.6 điểm/câu)	1-5		Thí sinh được yêu cầu viết câu theo thứ tự cho sẵn.	Viết câu
		Phần 2 (3 điểm)			Viết email (10 câu) để hỏi đáp hoặc hỏi thông tin // Hoặc viết bưu thiếp chúc mừng, hỏi thăm.	Viết email, bưu thiếp
		Phần 3 (4 điểm)			viết bài văn theo chủ đề cho sẵn(miêu tả, tường thuật, nghị luận) (25 - 30 câu)	Viết bài luận
		Tổng: 10 điểm				
	Khoảng 10 phút cho mỗi thí sinh	Phần 1 (2 phút) (2 điểm)			Thí sinh được hỏi 4 câu hỏi về bản thân mình. Các câu hỏi được chọn ra từ một danh sách 10 câu hỏi được soạn sẵn cho phần 1.	- Giới thiệu bản thân
		Phần 2			- Mỗi thí sinh được cung cấp 1 bức tranh (hoặc ảnh) cùng với 3	- Miêu tả tranh (hoặc ảnh) dựa vào gợi ý.

NÓI	3 phần	(3 phút) (3 điểm)			câu hỏi gợi ý về bức tranh (hoặc ảnh).	
		Phần 3 (5 phút) (5 điểm)			<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi thí sinh được cung cấp một chủ đề về đời sống hằng ngày có kèm theo 3 gợi ý và được yêu cầu trình bày về chủ đề. - Sau khi trình bày chủ đề, thí sinh sẽ được hỏi thêm 2 câu liên quan đến chủ đề đã trình bày (2 câu hỏi này được soạn sẵn trong đề). 	- Trình bày chủ đề & Phát triển chủ đề.
		Tổng: 10 điểm				
Tổng cộng	160 phút/4 kỹ năng					

Thang điểm: 10 điểm cho mỗi kỹ năng.

Điểm đạt: Tổng điểm của 4 kỹ năng bằng 20/40, với điều kiện không có kỹ năng nào dưới 3 điểm.